TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2022/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 07 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Chị T T T T - sinh năm 1993

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H G, xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+ Anh N V T - sinh năm 1991

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H G, xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T T T T anh N V T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/12/2013 tại UBND xã X G, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng với nhau trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn mà vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay đã 03 năm. Từ khi sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau, không còn quan hệ tình cảm nên cả hai cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không còn khả năng khắc phục được nữa nên anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không

vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T T T T anh N V T có 02 con chung tên là N T A, sinh ngày 26/10/2014 và N T U, sinh ngày 04/02/2018 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N T U để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N T A cho đến khi cháu A và cháu U đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con khi ly hôn.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về lệ phí: Chị T T T T anh N V T thỏa thuận để chị T T T T chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T T T T anh N V T.

- Về con chung: Chị T T T T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N T U, sinh ngày 04/2/2018, anh N V T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N T A sinh ngày 26/10/2014 cho đến khi cháu Uyên và cháu Anh đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn chị T T T T và anh N V T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về lệ phí: Chị T T T T chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0002870 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị T T T T đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (2);
- Chi cục THADS huyện BT;
- UBND xã X G, huyện BT;
- Đương sự (2);
- Lưu HS,TQĐ,VP.

THẨM PHÁN

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng